

# XÃ HỘI HỌC VIỆT NAM TRƯỚC NGƯỠNG CỦA THẾ KỶ 21

BÙI ĐÌNH THANH

Cùng với nhân dân toàn thế giới, nhân dân ta đang sống những ngày tháng cuối cùng của thế kỷ 20 và chuẩn bị hành trang để bước vào thế kỷ 21. Trong lịch sử lâu đời của dân tộc, chưa bao giờ có một thế kỷ mang nhiều ý nghĩa sâu sắc như thế kỷ 20. Những thập niên đầu thế kỷ, đất nước Việt Nam chìm đắm trong cảnh nô lệ lầm than dưới sự thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp.

Tiếp theo những phong trào đấu tranh yêu nước diễn ra liên tục, sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam năm 1930 đánh dấu một bước ngoặt căn bản của cách mạng Việt Nam. Từ đây, vận mệnh của dân tộc đã được nhân dân tin tưởng giao cho Đảng và thực tế 70 năm qua chứng minh Đảng đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ đó với những chiến công lịch sử: lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công, đánh thắng hai đế quốc to lớn là Pháp và Mỹ, đưa cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong sự lớn mạnh của đất nước, có phần đóng góp quan trọng của khoa học nói chung, của khoa học xã hội nói riêng. Lấy chủ nghĩa Mác Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng cho các đường lối, chính sách trong mọi lĩnh vực hoạt động của mình, Đảng cộng sản Việt Nam luôn luôn coi trọng phát triển xã hội và xây dựng con người toàn diện. Mười lăm năm qua, trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, Đảng đã không ngừng nhấn mạnh vai trò quan trọng của khoa học xã hội, trong đó có Xã hội học. Tuy là một môn khoa học xã hội còn non trẻ, mới chỉ ra đời cách đây hơn 20 năm, nhưng Xã hội học đã sớm khẳng định vị trí của mình trong sự nghiệp của khoa học xã hội phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, Xã hội học có dịp nhìn lại quá trình phát triển của bản thân, rút ra những bài học cần thiết và đề ra những nhiệm vụ mới nhằm góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược mà Đảng và Nhà nước Việt Nam đã đề ra là: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Với tư cách là một cán bộ nghiên cứu xã hội học, tôi xin nêu một số gợi ý về nhiệm vụ nói trên:

1- Về mặt xã hội học vĩ mô, những biến đổi nhanh chóng và sâu sắc về các mặt thông tin, sinh học, công nghệ, kinh tế, xã hội, văn hóa trong thời đại hiện nay tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của các quốc gia, dân tộc, dù ở phương Đông hay phương Tây, dù ở phía Bắc hay phía Nam.

Quy mô của những vấn đề về sự phát triển xã hội loài người đặt ra cho các nước phát triển cũng như đang phát triển yêu cầu phải quản lý sự phát triển một cách hiệu quả và bền vững, vì xã hội hiện đại hết sức đa dạng và phức tạp. Do đó, những lý thuyết về phát triển xã hội liên tiếp ra đời những năm gần đây. Từ Ủy ban Brundland của Liên Hiệp quốc (1987), Tuyên bố Rio de Janeiro (1992), cuộc họp thượng đỉnh ở Copenhagen (1993) đến Hội nghị

quốc tế ở Tokyo (1997), các vấn đề có liên quan đến hiện tại và tương lai cuộc sống của con người được đặt ra để tìm hiểu những phương án giải quyết tối ưu.

Để đánh giá trình độ phát triển của các quốc gia, một thời gian dài, tiêu chuẩn cơ bản GDP đã được dùng, sau đó được bổ sung trình độ giáo dục, kiến thức và tuổi thọ, chỉ số PPP (purchasing power parity). Năm 1997, Liên hiệp quốc đưa thêm chỉ số nghèo HPI (Human poverty indicator) vào chỉ số HDI (Human Development Indicator).

Tuy nhiên, hiện nay khái niệm về phát triển vẫn còn tiếp tục là vấn đề tranh luận giữa các nhà nghiên cứu khoa học xã hội và hoạch định chính sách trên thế giới. Có nhiều phương án nêu lên những nội dung của các chỉ báo xác định sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, không nên tuyệt đối hóa khái niệm phát triển bền vững. Khái niệm đó chỉ mang một ý nghĩa tương đối trong một thời đại mà khoa học kỹ thuật, công nghệ, thông tin phát triển cực kỳ nhanh chóng làm biến đổi đời sống trên tất cả các lĩnh vực tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Theo chúng tôi, có thể khái quát như sau mấy chỉ báo căn bản về sự phát triển bền vững xã hội:

a- Những chỉ báo về kinh tế bao gồm sự nâng cao không ngừng GDP và thu nhập tính theo đầu người, phát triển các nguồn lực trong nước là chủ yếu, đồng thời tranh thủ nguồn vốn của nước ngoài, thực hành quốc sách tiết kiệm, nâng cao mức sống và chất lượng sống, giảm sự cách biệt quá đáng về thu nhập và đời sống giữa người giàu và người nghèo, giữa các vùng khác nhau của đất nước.

b- Những chỉ báo về xã hội bao gồm các vấn đề giáo dục, bảo vệ sức khỏe, việc làm, dân số và kế hoạch hóa gia đình, nhà ở, nước sạch cho tất cả mọi người, phương tiện giao thông, bảo đảm an sinh xã hội, khắc phục các tệ nạn xã hội, chú trọng người già, phụ nữ và gia đình, các dân tộc thiểu số, những người bị nhiều thiệt thòi, thiếu những điều kiện để hội nhập xã hội.

c- Những chỉ báo về môi trường bao gồm các vấn đề bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ rừng và trồng rừng, bảo vệ nguồn nước, không khí, chống ô nhiễm môi trường đi đôi với việc sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên vì lợi ích lâu dài của các thế hệ mai sau.

d- Những chỉ báo về chính trị, tinh thần và trí tuệ bao gồm các vấn đề không ngừng hoàn thiện các thể chế chính trị, pháp luật, mở rộng dân chủ với nhân dân, tăng cường hiệu lực của bộ máy Nhà nước và tác dụng của thông tin trong đời sống xã hội hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hài hòa cá nhân và cộng đồng.

đ- Những chỉ báo về văn hóa được xem như nền tảng tinh thần và bản sắc dân tộc. Chú trọng giáo dục về chủ nghĩa nhân văn, đạo đức và lối sống.

e- Những chỉ báo về vai trò của phụ nữ trên quan điểm bình đẳng, không chỉ trên nguyên tắc mà nhất là trên thực tế đối với nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

g- Những chỉ báo về quốc tế bao gồm sự tiếp nhận những khái niệm hiện đại về tiến bộ và phát triển, tham gia các phong trào đấu tranh bảo vệ hoà bình, hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học, thông tin, tôn trọng các quyền căn bản của các dân tộc, các quốc gia và của con người.

Trên cơ sở những chỉ báo nói trên, có thể phác ra một khái niệm về quản lý sự phát triển xã hội như sau:

Quản lý sự phát triển xã hội là hoạt động có ý thức và có cơ sở khoa học của chủ thể quản lý tác động vào xã hội nhằm tạo lập một cơ cấu xã hội phù hợp với cơ cấu kinh tế, thực hiện sự kết hợp hài hoà giữa cái kinh tế và cái xã hội, phát huy những nhân tố tích cực, kịp thời khắc phục các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình xây dựng các cơ sở hạ tầng và thượng tầng của xã hội nhằm đạt tới sự đồng thuận xã hội và phát triển bền vững, tạo điều kiện cho con người phát huy hết tiềm năng lao động sáng tạo trong một xã hội nhân văn hướng tới mục tiêu cao nhất là vì hạnh phúc của con người.

Nhiệm vụ của Xã hội học là cùng với các ngành khoa học xã hội khác xây dựng một lý thuyết về phát triển xã hội dựa trên sự tổng kết thực tiễn ở nước ta, có tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài, nhưng không sao chép, rập khuôn, tránh rơi vào chủ nghĩa giáo điều mới. Thiếu một lý thuyết có căn cứ khoa học vững chắc thì sẽ chỉ giải quyết được theo kiểu biện pháp tình thế trước mắt, không giải quyết được những vấn đề phát triển xã hội cơ bản có tính bền vững, lâu dài.

2- Một trong những vấn đề nổi bật của xã hội học vĩ mô là vấn đề toàn cầu hóa, không những chỉ về mặt kinh tế mà còn bao trùm lên mọi mặt của đời sống xã hội quốc tế.

Toàn cầu hóa mà đất nước ta đang chứng kiến và gia nhập là một tất yếu lịch sử. Nó khác hẳn về bản chất với thời kỳ đầu sự ra đời của chủ nghĩa tư bản. Trong bối cảnh mới đó của lịch sử, mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, dân tộc ngày càng tăng lên, và bất cứ vấn đề gì cũng phải được xem xét và giải quyết trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, cần thấy rõ những đặc điểm của nước ta trong quá trình gia nhập toàn cầu hóa. Trước hết, đây là một bối cảnh lịch sử của một hiện tượng thẩm thấu qua lại lẫn nhau giữa một bên là quá trình lịch sử tự nhiên từ một xã hội chậm phát triển sang một xã hội văn minh, hiện đại và một bên là quá trình chuyển từ một nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp sang một nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là một thực tế chưa có tiền lệ trong lịch sử mà Xã hội học cần đi sâu phân tích.

Hơn nữa, trong xu thế toàn cầu hóa nền kinh tế, bên cạnh mặt tích cực, còn có mặt tiêu cực là cường độ biến động kinh tế thế giới ngày càng lớn. Chịu sự tác động của những biến động đó, không có nước nào, kể cả những nước có nền kinh tế mạnh có thể ngăn chặn được ảnh hưởng của những biến động đó trong tầm kiểm soát của mình. Cuộc khủng hoảng tài chính những năm vừa qua, bắt đầu từ Thái Lan rồi đến Đông Nam Á, Đông Bắc Á và nhiều nước khác là một minh chứng rõ rệt.

Trong nền kinh tế khu vực và toàn cầu, các nước ở vào những nấc thang phát triển rất khác nhau. Do đó, Việt Nam phải xác định vị trí của mình trên các nấc thang phát triển đó để có một chiến lược phát triển thích hợp, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, tranh thủ được những điều kiện thuận lợi cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời tránh được nguy cơ nền kinh tế của đất nước phụ thuộc vào các thế lực tài chính lũng đoạn quốc tế. Không phải ngẫu nhiên mà nhân dân thế giới đã biểu lộ thái độ quyết liệt của mình chống tư bản tài chính thế giới ở Seattle (Mỹ), Bangkok (Thái Lan), Davos (Thụy Sĩ).

3- Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, hàng loạt vấn đề quan trọng đang được đặt ra trước các nhà xã hội học:

a- Nghiên cứu cơ cấu xã hội. Hiện trạng của đất nước cho thấy rõ cùng với sự cấu trúc lại nền kinh tế, cơ cấu xã hội về lao động, nghề nghiệp đang biến chuyển mạnh. Kinh

tế thị trường đang làm thay đổi nhu cầu về lao động, nghề nghiệp, về hệ thống giá trị, về lối sống đối với các phạm trù nói trên. Mỗi giai cấp, mỗi tầng lớp xã hội đều đang vận động trong xu thế chung đó. Các nhà lãnh đạo chính trị, hoạch định chính sách, hoạt động xã hội cũng như các nhà khoa học đều cần nắm bắt thực tế cơ cấu xã hội đang biến chuyển để đi sâu phân tích và chủ động tìm ra những giải pháp hữu hiệu nhằm đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới theo đúng hướng.

b- Nghiên cứu về vấn đề phân hóa giàu nghèo.

Hiện nay ở nước ta, việc xác định chuẩn mực nghèo đói có sự khác nhau giữa Ngân hàng thế giới, Tổng cục Thống kê và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Cần có sự nghiên cứu để đi tới thống nhất các chuẩn mực để xác định nghèo đói. Tất nhiên, mỗi quốc gia có thể đặt ra chuẩn mực cho riêng mình dựa trên tình hình cụ thể của đất nước, nhưng nhìn về lâu dài, Việt Nam phải tiếp cận những chuẩn mực chung của khu vực và thế giới để thấy rõ ta đang đứng ở đâu và sẽ tiến lên như thế nào?

Hơn nữa, về khái niệm nghèo, phải chăng chỉ có một tiêu chuẩn là bao nhiêu kilôgam gạo là đủ, bởi vì nếu chúng ta nói đến chiến lược con người thì không thể chỉ quan tâm đến cái dạ dày (tuy điều này cũng hết sức quan trọng), mà còn phải quan tâm đến những vấn đề khác cũng rất cơ bản đối với đời sống con người như nhà ở, học hành, sức khoẻ, hưởng thụ văn hóa...

c- Nghiên cứu về công bằng xã hội, cả về lý luận và thực tiễn.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, một khái niệm thích hợp về công bằng xã hội đòi hỏi phân biệt những loại bất công khác nhau:

1) Loại bất công "tự nhiên" do những khác biệt về cấu tạo thể chất của mỗi người, cũng như những khác biệt về trình độ phát triển do lịch sử lâu đời để lại (ví dụ như sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi và miền núi).

2) Loại bất công phải tạm thời chấp nhận trong quá trình thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh. Bởi lẽ nói dân giàu, nhưng không phải ai cũng có thể giàu lên cùng một lúc, đồng thời cũng không thể loại bỏ tình trạng nghèo tương đối trong một thời gian ngắn. Do đó, phải vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp có lợi cho sự phát triển của đất nước, vừa không để xảy ra tình trạng "kẻ ăn không hết, người lần không ra".

3) Loại bất công phi lý và cũng là phi pháp chủ yếu nảy sinh do các tệ nạn buôn lậu, tham nhũng. Đáng chú ý là hiện nay ở nước ta, bên cạnh những cán bộ, đảng viên vẫn giữ được phẩm chất tốt, đã có một bộ phận không nhỏ những kẻ thoái hóa, biến chất, lợi dụng chức quyền được giao để đục khoét tài sản của Nhà nước và của nhân dân, làm giàu phi pháp tạo ra bất công xã hội.

Cần nhấn mạnh là bản thân kinh tế thị trường không tự động đảm bảo cho công bằng xã hội. Do đó, phải có sự can thiệp, điều tiết của Nhà nước để phân phối lại những kết quả của hoạt động kinh tế, vừa tạo cơ hội, vừa tạo điều kiện cho mọi người dân có thể lo liệu cho cuộc sống của bản thân, gia đình, dần dần cải thiện đời sống.

d- Tăng cường nghiên cứu về Xã hội học pháp luật.

Pháp luật là nhân tố quan trọng nhất điều chỉnh các quan hệ xã hội và là công cụ hữu hiệu đối với nhiệm vụ quản lý xã hội, vì "đời sống của pháp luật gắn bó với đời sống

xã hội bằng những mối liên hệ còn mật thiết hơn là đối với đời sống đạo đức và đời sống tôn giáo. Vì thế, có thể nói: ở đâu có một xã hội, có một giai cấp xã hội, có một nhóm xã hội được cấu trúc hóa là đã có nhiều khả năng chúng ta đứng trước những vấn đề của pháp luật<sup>1</sup>. Trong lĩnh vực nghiên cứu này, các nhà xã hội học có rất nhiều nội dung cần đi sâu phân tích, từ việc xây dựng luật pháp, trình độ dân trí về mặt pháp luật, dư luận xã hội đến tác động xã hội của các vụ xử án, đến năng lực nghề nghiệp của các thẩm phán, luật sư ...

đ- Nghiên cứu về Nhà nước. Vai trò của Nhà nước cực kỳ quan trọng. Ở các nước phương Tây, đang có một cuộc tranh luận lớn về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Phái "tự do mới", đại biểu cho thế lực của giới đại tư bản tài chính độc quyền lũng đoạn đưa ra khẩu hiệu "ít Nhà nước hơn, nhiều thị trường hơn" để dễ bề thao túng chính quyền. Củng cố và tăng cường hiệu lực của bộ máy Nhà nước là một nhiệm vụ trọng tâm cấp bách. Trong lĩnh vực này, Xã hội học có khả năng đi sâu vào một số vấn đề:

1) Thực hiện cải cách hành chính: tìm hiểu nguyên nhân của sự trì trệ, thiếu năng động của bộ máy hành chính, của tình trạng quan liêu, của quyền, thiếu trách nhiệm đối với nhân dân.

2) Mấu chốt của cải cách hành chính là đội ngũ cán bộ quản lý từ trung ương tới cơ sở. Đây cũng là sự thể hiện tầm quan trọng của nhân tố con người. Nhưng, con người dù được giáo dục, đào tạo tốt cũng chỉ có thể phát huy năng lực trong một cơ chế quản lý có hiệu lực, trong một bộ máy Nhà nước mạnh.

3) Mối quan hệ giữa cải cách hành chính và chống tham nhũng.

4) Những nội dung chủ yếu của chủ thể quản lý xã hội cần quan tâm: hiểu sâu sắc và xử lý tốt các mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội, phát triển con người, thực hiện dân chủ hóa và cải tiến cách làm việc của các tổ chức Đảng và Nhà nước từ trung ương đến cơ sở, đảm bảo nghe được tiếng nói trung thực của cán bộ và nhân dân. Tăng cường các phương pháp vận động, giải thích, thuyết phục, đối thoại để chủ động tạo ra sự đồng thuận xã hội và niềm tin của nhân dân, ít phải dùng đến quyền lực. Coi trọng công tác thống kê, thanh tra, kiểm tra, giám sát. Huy động cán bộ khoa học các ngành Kinh tế, Luật, Xã hội học, Tâm lý học... vào các công tác nói trên. Quan tâm tới việc phát huy tác dụng của công tác thông tin, báo chí, chiếc cầu nối giữa chủ thể quản lý phát triển xã hội với các đối tượng khách thể của quản lý.

e- Xây dựng một chương trình giáo dục về chính sách xã hội. Tầm quan trọng của chính sách xã hội đã được khẳng định từ lâu trong môn xã hội học. Ở phương Tây, các trường đại học, các viện nghiên cứu rất chú trọng vấn đề này.

Viện Xã hội học, Khoa Xã hội học Trường Đại học Quốc gia, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội nên phối hợp xây dựng chương trình đào tạo cho môn học này. Những kết quả và tài liệu của các công trình nghiên cứu về chính sách xã hội sẽ trở thành những tài liệu học tập rất tốt cho sinh viên và đây cũng là một phương hướng quan trọng, một điều kiện thuận lợi để đưa các chính sách xã hội vào cuộc sống, gắn lý thuyết với thực tế, gắn nghiên cứu cơ bản với ứng dụng.

<sup>1</sup> G.Gurvitch. Traité de Sociologie. NXB Presses Universitaires de France 1963, tr.173.

5- Tăng cường đào tạo cán bộ xã hội học.

Để hoàn thành những nhiệm vụ trên đây, cần có một đội ngũ cán bộ xã hội học đông về số lượng, mạnh về chất lượng trong những năm sắp đến. Cán bộ xã hội học không chỉ cần cho các cơ quan nghiên cứu và giảng dạy về môn học này mà còn rất cần cho các ngành khoa học và hoạt động xã hội, hoạch định chính sách, quản lý xã hội. Đặc biệt là ở các địa phương, nếu có nhiều cán bộ được đào tạo về xã hội học thì chắc chắn sẽ phát huy tốt tác dụng, giúp cho cấp uỷ và chính quyền phát hiện, phân tích, xử lý có hiệu quả các vấn đề xã hội và góp ý kiến xây dựng các chính sách xã hội tương ứng trên cơ sở khoa học.

Trong công tác đào tạo cán bộ xã hội học, cần chú trọng cả ba mặt: đào tạo lý luận và phương pháp luận, tiến hành các công trình thực nghiệm và phương pháp, kỹ thuật thao tác. Ba mặt đào tạo này có mối quan hệ hữu cơ mật thiết với nhau. Các nhà xã hội học bậc thầy đều khuyên chúng ta không được xem nhẹ mặt nào.

Những lý luận vững vàng chỉ có thể ra hoa, kết trái khi chúng được các công trình thực nghiệm chứng minh. Theo Robert Merton, nhà xã hội học Mỹ nổi tiếng, công trình thực nghiệm có bốn chức năng chủ yếu đối với sự phát triển của lý luận: nó gọi ra, xây dựng lại, định hướng mới, làm sáng tỏ lý luận. Còn những phương pháp, kỹ thuật thao tác nếu được sử dụng tốt và sáng tạo sẽ đem lại những dữ kiện mới, hiểu biết mới làm giá trị của các công trình thực nghiệm được nâng cao.

Trong tình hình đào tạo cán bộ xã hội học của nước ta hiện nay còn thiếu nhiều giáo trình và sách tham khảo cho sinh viên và các nhà nghiên cứu trẻ. Để khắc phục tình trạng đó, một mặt cần tổ chức dịch những tác phẩm quan trọng của các nhà xã hội học có tiếng trên thế giới, và mặt khác, tạo điều kiện thuận lợi và động viên sinh viên và các nhà xã hội học trẻ nước ta nhanh chóng làm chủ được ngoại ngữ để có thể nâng cao được trình độ của mình.

Tôi hy vọng rằng Xã hội học Việt Nam sẽ có bước phát triển mới khi đi vào thế kỷ 21, đồng thời có sự chuẩn bị cần thiết cho sự tham dự Đại hội xã hội học quốc tế sẽ diễn ra ở Úc vào năm 2002.